

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **192/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 20 - 9 - 2024

“V/v Không công nhận quan hệ
vợ chồng và chia tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Vũ Hà

2. Bà Trần Thị Thúy Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Kiều Hồng Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 441/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/5/2024, về việc “Không công nhận vợ chồng và chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 30/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Y Trữ N, sinh năm 1964, (có mặt).

Địa chỉ: Buôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Y Wan A, sinh năm 1960,

Địa chỉ: Buôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, (có mặt).

Bị đơn: Bà H Drai K, sinh năm 1970, (có mặt).

Địa chỉ: Buôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà H Linda K1, sinh năm 1990, (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Buôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Y Trữ N và đại diện theo ủy quyền là ông Y Wan A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà H D chung sống với nhau như vợ chồng trên tinh thần tự nguyện, chung sống với nhau từ năm 1989 cho đến nay nhưng do không

am hiểu pháp luật nên chúng tôi không tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống, chúng tôi hạnh phúc nhưng thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi nhau, đã sống ly thân từ năm 2007 cho đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn đã căng thẳng, kéo dài nên tôi đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi với bà H'Drai K2.

- Về con chung: Chúng tôi có một con chung là cháu H Linda K1, sinh ngày 02/3/1990. Hiện nay cháu H L đã trưởng thành, đã có gia đình riêng nên việc nuôi dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chúng tôi có tài sản chung là quyền sử dụng đất của thửa đất số 93, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.251,0m² (trong đó có 400m² đất ở và 851,0m² đất trồng cây lâu năm), địa chỉ thửa đất tại xã H, Tp ., theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 895963 do U cấp ngày 18/9/2013 mang tên hộ ông Y Trữ N, bà H Draik K, diện tích đo đạc thực tế là 1290.1m².

Tôi và bà H Draik Kbuôn đều thống nhất tặng cho con gái là H Linda Kbuôn diện tích đất 5m ngang kéo dài cho đến hết đất, có diện tích là 215,3m² trong đó có 60m² đất thổ cư, phần diện tích đất này nằm trong thửa đất số 93, tờ bản đồ số 12. Hiện nay con gái tôi H Linda Kbuôn đã được xây dựng nhà và ở ổn định trên diện tích đất này nên tôi không đề nghị Tòa án phân chia.

Tôi đề nghị Tòa án phân chia diện tích đất còn lại 25m ngang của thửa đất số 93, tờ bản đồ số 12 sau khi tách cho con gái tôi H Linda Kbuôn, tôi đề nghị chia 50% diện tích đất theo quy định pháp luật, tôi xin nhận quyền sử dụng đất có vị trí tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đường; Phía Tây giáp thửa đất số 94; Phía Nam giáp với phần diện tích đất cho con gái tôi H Linda Kbuôn; Phía Bắc giáp với phần diện tích đất chia cho bà H Draik Kbuôn.

Ngoài diện tích đất nói trên thì tôi và bà H Draik Kbuôn không còn diện tích đất chung nào khác, không còn tài sản gì chung.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn bà H Draik Kbuôn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với ông Y Trữ N vào năm 1989, trên cơ sở tình yêu tự nguyện. Tuy nhiên, tôi và ông Y Trữ N không am hiểu pháp luật nên không đi làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp tính tình nhau, thường xuyên cãi vã xúc phạm lẫn nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống với nhau, do ông Y Trữ N thường xuyên uống rượu về nhà đánh đập vợ con, đập phá đồ đạc trong nhà, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt rồi xa lánh dần. Vợ chồng chúng tôi cũng đã được hai bên gia đình khuyên răn, hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng chúng tôi vẫn không thể hàn gắn

được. Và thực tế vợ chồng chúng tôi đã sống ly thân (đã bỏ nhau theo phong tục người Êđê) với nhau từ năm 2007 cho đến nay, hai vợ chồng không hề quan tâm hay chăm sóc gì với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng. Nay, ông Y Trữ N yêu cầu về quan hệ hôn nhân là yêu cầu không công nhận giữa tôi với ông Y Trữ N có quan hệ là vợ chồng thì tôi cũng đồng ý. Đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu H Lin Da Kbuôr, sinh năm 1990, hiện nay cháu đã thành niên và đã có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung: Chúng tôi có tài sản chung là quyền sử dụng đất của thửa đất số 93, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.251,0m² (trong đó có 400m² đất ở và 851,0m² đất trồng cây lâu năm), diện tích đo đạc thực tế là 1290.1m², địa chỉ thửa đất tại xã H, Tp ., theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 895963 do U cấp ngày 18/9/2013 mang tên hộ ông Y Trữ N, bà H Draï K. Tôi và ông Y Trữ N đều thống nhất tặng cho con gái là H Linda Kbuôr diện tích đất 5m ngang kéo dài cho đến hết đất, có diện tích là 215,3m² trong đó có 60m² đất thổ cư, phần diện tích đất này nằm trong thửa đất số 93, tờ bản đồ số 12. Hiện nay con gái tôi H Linda Kbuôr đã được xây dựng nhà và ở ổn định trên diện tích đất này nên tôi không đề nghị Tòa án phân chia.

Nay ông Y Trữ N yêu cầu Tòa án phân chia diện tích đất còn lại 25m ngang của thửa đất số 93, tờ bản đồ số 12 sau khi tách cho con gái tôi H Linda Kbuôr thì quan điểm của tôi như sau:

Tôi không đồng ý với yêu cầu của ông Y Trữ N là yêu cầu chia 50% diện tích đất nói trên vì diện tích đất này tôi để giành cho con cháu sau này. Ngoài diện tích đất nói trên thì tôi và ông Y Trữ N không còn diện tích đất chung nào khác, không còn tài sản gì chung.

Tôi chỉ đồng ý chia cho ông Y Trữ N diện tích đất chiều ngang là 8m kéo dài cho đến hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 12 (trong đó có 60m² đất thổ cư), có vị trí tứ cận như ông Y Trữ N yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H Linda Kbuôr trình bày:

Tôi là con chung duy nhất của ông Y Trữ N và bà H Draï K, hiện nay tôi đã có gia đình và ở riêng. Đối với mâu thuẫn của ông Y Trữ N và bà H Draï Kbuôr thì tôi xác định là ông Y Trữ N, bà H Draï K bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn đã kéo dài, sống ly thân từ năm 2007 cho tới nay.

Về tài sản chung: Ông Y Trữ N và bà H Draï Kbuôr có một tài sản chung duy nhất là quyền sử dụng đất của thửa đất số 93, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.251,0m² (trong đó có 400m² đất ở và 851,0m² đất trồng cây lâu năm), địa chỉ thửa đất tại xã H, Tp ., theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 895963 do U cấp ngày 18/9/2013 mang tên hộ ông Y Trữ N, bà H Draï K.

Đầu năm 2024, ông Y Trữ N, bà H Draï Kbuôr thống nhất cho tôi một phần diện tích đất 5m ngang kéo dài cho đến hết đất, có diện tích là 215,3m² trong đó có 60m² đất thổ cư, phần diện tích đất này nằm trong thửa đất số 93, tờ bản đồ số 12. Hiện nay tôi đã được xây dựng nhà và ở ổn định trên diện tích đất này.

Nay ông Y Trữ N khởi kiện tại Tòa án thì quan điểm của tôi như sau:

Phần diện tích đất 5m ngang kéo dài cho đến hết đất, có diện tích là 215,3m² trong đó có 60m² đất thổ cư, phần diện tích đất này nằm trong thửa đất số 93, tờ bản đồ số 12 là bố mẹ đã cho tôi nhưng chưa tách. Việc này giữa tôi và bố mẹ tự thỏa thuận và tôi không có yêu cầu gì trong vụ này.

Phần diện tích đất còn lại tôi không có ý kiến gì, tôi cũng không có công sức đóng góp, tạo lập đối với tài sản này. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án từ khi Tòa án thụ lý và tại phiên tòa sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Y Trữ N về việc giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông Y Trữ N và bà H Draï K.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Y Trữ N và bà H Draï K là vợ chồng.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Đối với tài sản chung là quyền sử dụng đất (phần diện tích đất 25m ngang) của thửa đất số 93, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.251,0m (trong đó có 400m đất ở và 851,0m² đất trồng cây lâu năm), diện tích đo đạc thực tế là 1290.1m², địa chỉ thửa đất tại xã H, Tp ., theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 895963 do U cấp ngày 18/9/2013 mang tên hộ ông Y Trữ N, bà HDraï K3:

Giao cho ông Y Trữ N quản lý và sử dụng đất có diện tích 12,5m ngang, thửa đất số 93, tờ bản đồ số 12, địa chỉ thửa đất tại xã H, Tp ., theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 895963 do U cấp ngày 18/9/2013, có vị trí tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đường; Phía Tây giáp thửa đất số 94; Phía Nam giáp với phần diện tích đất của chị H Linda Kbuôr; Phía Bắc giáp với phần diện tích đất chia cho bà H Draï Kbuôr. Giao phần đất còn lại có diện tích 12,5m ngang cho bà H Draï Kbuôr sở hữu, quản lý và sử dụng.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Không công nhận vợ chồng và chia tài sản chung” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[3]. Nội dung vụ án:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Y Trữ N và bà H Draï Kbuôr tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quan hệ hôn nhân giữa ông Y Trữ N và bà H D K buôr không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do vậy, xét yêu cầu của ông Y Trữ N và ý kiến bà H D K buôr đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Y Trữ N và bà H D K buôr là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 nên cần chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: Có một con chung là chị H Linda K1, sinh ngày 02/3/1990. Hiện nay chị H L1 đã đủ 18 tuổi, đã có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung: Trong thời gian sống chung ông Y Trữ N và bà H D K buôr đều thừa nhận ông, bà có một tài sản chung là thửa đất số 93, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.251,0m², diện tích đo đạc thực tế là 1290.1m², trong đó có 400m² đất ở và 851,0m² đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng đất đến năm 2043, địa chỉ thửa đất tại xã H, Tp ., theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 895963 do U cấp ngày 18/9/2013 mang tên hộ ông Y Trữ N, bà H Draï K. Ngoài ra không có tài sản chung nào khác.

Xét, về nguồn gốc đất qua thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện thửa đất do Nông Trường Draï H Ling cấp từ năm 1988, đến năm 1989 ông Y Trữ N và bà H D K buôr sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến năm 2006 ông Y Trữ N làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến ngày 18/9/2013 Ủy ban nhân dân thành phố U cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Y Trữ N và bà H D K buôr. Như vậy ông Y Trữ N và bà H D K buôr đều xác định thửa đất này là tài sản chung của ông Y Trữ N và bà H D K buôr phù hợp với Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 214; Điều 217 Bộ Luật Dân sự năm 2005.

Ông Y Trữ N và bà H D K buôr đều thống nhất cho con gái là H Linda Kbuôr diện tích đất diện tích là 215,3m² trong đó có 60m² đất thổ cư và 155,3m² đất trồng cây lâu năm. Hiện nay con chị H Linda K1 đã được xây dựng nhà và ở ổn định trên diện tích đất này nên không đề nghị Tòa án phân chia và chị H Linda Kbuôr đồng ý và không có yêu cầu gì trong vụ án, là phù hợp nên cần chấp nhận.

Phần diện tích đất còn lại 1.074,8 m², trong đó 340m² đất thổ cư và 695,7m² đất trồng cây lâu năm.

Ý kiến của ông Y Trữ N đề nghị chia đôi diện tích đất theo quy định pháp luật và xin nhận quyền sử dụng đất có vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường; Phía Tây giáp thửa đất số 94; Phía Nam giáp với phần diện tích đất cho con gái tôi H Linda Kbuôr; Phía Bắc giáp với phần diện tích đất chia cho bà H Draï Kbuôr.

Ý kiến của bà H D K buôr đồng ý giao cho ông Y Trữ N vị trí đất như ông Y Trữ N yêu cầu còn về diện tích đất thì chỉ chấp nhận chia cho ông Y Trữ N 8m ngang kéo dài cho đến hết đất là 43,03m, trong đó có 60m² đất thổ cư, phần còn lại bà H D K buôr để giành cho con cháu sau này.

Xét, về nguồn gốc đất như đã phân tích ở trên thì thửa đất trên là tài sản chung của bà H D K buôr và ông Y Trữ N thuộc sở hữu chung hợp nhất nên bà H Draï K và ông Y Trữ N có quyền và nghĩa vụ ngang nhau nên chia đôi thửa đất là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét ý kiến của ông Y Trữ N chia bằng đất và vị trí ông nhận bằng đất là Phía Đông giáp đường; Phía Tây giáp thửa đất số 94; Phía Nam giáp với phần diện tích đất cho con gái H Linda Kbuôr; Phía Bắc giáp với phần diện tích đất chia cho bà H Draï Kbuôr và phần còn lại giao cho bà H D K buôr nhận quản lý, sử dụng là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về tài sản trên đất là: 01 căn nhà xây cấp 4, do bà H Draï Kbuôr xây dựng lại năm 2019, diện tích 63,3 m² hiện nay bà H Draï Kbuôr đang quản lý, sử dụng. Bà H Draï K và ông Y Trữ N đều xác định là tài sản riêng của bà H Draï K và không yêu cầu phân chia là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ông Y Trữ N. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà H Draï K và ông Y Trữ N.

Về tài sản chung: Giao cho ông Y Trữ N có quyền quản lý, sử dụng: Diện tích đất 535,5m² trong đó có 170m² đất ở và 347,85m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 12, địa chỉ thửa đất tại xã H, Tp ., theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 895963 do U cấp ngày 18/9/2013 mang tên hộ ông Y Trữ N, bà H Draï K (tài sản trên đất không có)

Tứ cận: Phía Đông giáp đường cạnh dài 12.50m; Phía Tây giáp thửa đất số 94(nay là thửa 476) cạnh dài 12.50m; Phía Nam giáp với phần diện tích đất cho con gái H Linda Kbuôr cạnh dài 38,56m; Phía Bắc giáp với phần diện tích đất chia cho bà H Draï Kbuôr cạnh dài 43.03m. Giá trị tài sản theo kết quả thẩm định giá tài sản là: 1.130.521.325đồng.

Giao cho bà H Draï Kbuôr có quyền quản lý, sử dụng: Diện tích đất 539,3m² trong đó có 170m² đất ở và 369,3m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 12, địa chỉ thửa đất tại xã H, Tp ., theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 895963 do U cấp ngày

18/9/2013 mang tên hộ ông Y Trữ N, bà H Drai K. Tài sản trên đất là 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 63,3 m²(nhà của bà H Drai K, không yêu cầu chia)

Tứ cận: Phía Đông giáp đường cạnh dài 12.50m; Phía Tây giáp thửa đất số 94(nay là thửa 476) cạnh dài 12.50m; Phía Nam giáp với thửa đất số 93 phần diện tích đất chia cho ông Y Trữ N cạnh dài 43.03m; Phía Bắc giáp thửa 88 (nay là các thửa 460,461, 462) cạnh dài 43.35m. Giá trị tài sản theo kết quả thẩm định giá tài sản 1.138.543.698đồng

Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không giải quyết.

[4]. Về án phí và chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí chia tài sản; Chi xem xét thẩm định tại chỗ; đo đạc bằng máy và thẩm định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

[5]. Về lệ phí khai thác sử dụng tài liệu đất đai: Nguyên đơn tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: khoản 7 Điều 3, khoản 1 Điều 14; Điều 16; Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 214; Điều 215; Điều 217; Điều 224 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng: Điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Y Trữ N

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông Y Trữ N và bà H D K buôn là vợ chồng.

2. Về tài sản chung: Xác định diện tích đất 1.074,8m², trong đó 340m² đất thổ cư và 695,7m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 12, địa chỉ thửa đất tại xã H, Tp ., theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 895963 do UBND thành phố U cấp ngày 18/9/2013 mang tên hộ ông Y Trữ N và bà H Drai K là tài sản chung của ông Y Trữ N, bà H Drai K. Giá trị tài sản: 2.268.220.563đồng.

Giao cho ông Y Trữ N có quyền quản lý, sử dụng: Diện tích đất 535,5m² trong đó có 170m² đất ở và 347,85m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.251,0m², địa chỉ thửa đất tại xã H, Tp ., theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 895963 do U cấp ngày 18/9/2013 mang tên hộ ông Y Trữ N, bà H Drai K (tài sản trên đất không có)

Tứ cận: Phía Đông giáp đường cạnh dài 12.50m; Phía Tây giáp thửa đất số 94(nay là thửa 476) cạnh dài 12.50m; Phía Nam giáp với phần diện tích đất cho con gái H Linda Kbuôr cạnh dài 38,56m; Phía Bắc giáp với phần diện tích đất chia cho bà H Draï Kbuôr cạnh dài 43.03m. Giá trị tài sản là: 1.130.521.325đồng.

Giao cho bà H Draï Kbuôr có quyền quản lý, sử dụng: Diện tích đất 539,3m², trong đó có 170m² đất ở và 369,3m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 12, địa chỉ thửa đất tại xã H, Tp ., theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 895963 do U cấp ngày 18/9/2013 mang tên hộ ông Y Trữ N, bà H Draï K. Tài sản trên đất là 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 63,3 m²(nhà của bà H Draï K, không yêu cầu chia)

Tứ cận: Phía Đông giáp đường cạnh dài 12.50m; Phía Tây giáp thửa đất số 94(nay là thửa 476) cạnh dài 12.50m; Phía Nam giáp với thửa đất số 93 phần diện tích đất chia cho ông Y Trữ N cạnh dài 43.03m; Phía Bắc giáp thửa 88 (nay là các thửa 460,461, 462) cạnh dài 43.35m. Giá trị tài sản là 1.138.543.698đồng.

Ông Y Trữ N và bà H Draï K được quyền tự liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho ông Y Trữ N và bà H Draï Kbuôr theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Nguyên đơn ông Y Trữ N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và 45.915.639 đồng án phí chia tài sản được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 10.300.000đồng đã nộp theo biên lai thu số 0010090 ngày 17/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. Ông Y Trữ N phải nộp số tiền án phí còn lại là 25.915.639 đồng.

Bị đơn bà H Draï Kbuôr phải 46.156.310 đồng án phí chia tài sản.

4. Về chi phí tố tụng: Tổng cộng số tiền là 19.913.000đồng (Chi xem xét thẩm định tại chỗ 2000.000 đồng; chi phí đo đạc bằng máy 3.913.000 đồng và 14.000.000 đồng chi phí thẩm định giá tài sản). Bà H Draï K phải chịu 9.956.500đồng.

Ông YTrữ N1 phải chịu 9.956.500đồng được khấu trừ vào số tiền 19.913.000 đồng đã nộp tạm ứng và chi phí xong. Trả lại cho ông Y Trữ N số tiền 9.956.500 đồng chi phí tố tụng sau khi thu được từ bà H'Draï K2.

5. Lệ phí khai thác sử dụng tài liệu đất đai 200.000 đồng ông Y Trữ N tự nguyện chịu được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0018892 ngày 20/8/2024 của Chi nhánh V đăng kí đất đai thành phố B.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án này được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại

Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND xã Hòa Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mai